**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**Môn: Ngữ văn; Lớp 10 -** Năm học: 2022 - 2023

**Thời gian làm bài: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Chèo | 4 |  | 3 | 1 |  | 1 |  | 1 | **10** |
| Tỉ lệ % | 20 |  | 15 | 10 |  | 10 |  | 5 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản NL về một vấn đề xã hội |  |  |  |  |  |  |  | 1 | **1** |
| Tỉ lệ% |  | 10 |  | 15 |  | 10 |  | 5 | **40** |
| **Tổng** | | | 20 | 10 | 15 | 25 |  | 20 |  | 10 | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | 30 | | 40 | | 20 | | 10 | |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | 70 | | | | 30 | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**Môn: Ngữ văn; Lớp 10 -** Năm học: 2022 - 2023

**Thời gian làm bài: 90 phút**

Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Chèo** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của chèo.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các giá trị đạo đức văn hóa từ văn bản chèo.  **Thông hiểu:**  Hiểu và lý giải được ý nghĩa của lời thoại và việc xây dựng nhân vật.  **Vận dụng:**  Trình bày được thái độ, tình cảm của tác giả dân gian.  **Vận dụng cao:**  Đánh giá được ý nghĩa, tác động của thông điệp rút ra từ văn bản chèo. | **4TNKQ** | **3TNKQ**  **1 TL** | **1TL** | **1TL** | **10** |
| Tỉ lệ% | **20%** | **25%** | **10%** | **5%** | **60%** |
| **2** | **Viết** | **Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội** | **Nhận biết:**  - Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.  - Xác định được kiểu bài: văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.  - Giới thiệu được vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích đúng vấn đề nghị luận.  - Phân tích được ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề nghị luận.  - Làm sáng tỏ vấn đề bằng lí lẽ và bằng chứng.  - Bàn luận, mở rộng vấn đề.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để hoàn chỉnh văn bản nghị luận về vấn đề xã hội.  - Sắp xếp lí lẽ, bằng chứng hợp lí.  - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.  **Vận dụng cao**  - Liên hệ thực tiễn nêu bài học nhận thức và hành động.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận hấp dẫn, thuyết phục, giàu cảm xúc. |  |  |  | **1** |  |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **10%** | **15%** | **10%** | **5%** | **40%** |
| **Tổng số câu** | | | | **4** | **4** | **1** | **2** | **11** |
| **Tỉ lệ** | | | | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | **30%** | | **100%** |

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở GDĐT Tiền Giang** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I** |
| **Trường THPT ………..** | **Môn: Ngữ văn lớp 10; Năm học: 2022 - 2023** |
|  | **Thời gian làm bài: 90 phút** *(Không kể thời gian phát đề)* |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| (hát con gà rừng)              (nói)    (hát xe chỉ)            (nói) | “Tôi bước vào tôi ô rằng vậy:  Chẳng giấu gì, tôi tên gọi Xúy Vân,  Lấy Kim Nham nhà khó gian truân,  Chồng học vắng chầy ngày mong mỏi  Tôi ngồi từ tối  Đợi khách tha nhang  Gái phải nằm hàng  Nghề dại dột … nhưng tài cao vô giá.  Thiên hạ đồn tôi hát hay đã lạ, ai cũng gọi là cô ả Xúy Vân.  Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương  Nên đến nỗi điên cuồng rồ dại.  Con gà rừng  Ăn lẫn với công  Đắng cay chẳng chịu được, láng giềng ai hay?  Chờ cho cây lúa chín vàng,  Để anh đi gặt lúa, để cô nàng mang cơm.  Bông dắt, bông díu, xa lắc, xa líu, láng giềng ai hay,  Ức bởi Thung Huyên  Ơ, kìa con nhện, xuôi xuống đây vương tơ để đằng  này xe chỉ đi!  Ngồi rồi xem nhện xe tơ,  Xem dăm sợi chỉ đợi chờ tình nhân.  Nhác trông lên núi Thiên Thai  Thấy hai con quạ ăn xoài trên cây  Đôi ta dắt díu lên đây  Áo trải làm chiếu, chăn quây làm mùng.  Chị em ơi, tôi nhớ tình nhân, cho tôi than thở một  câu nhá!  *(Hạ)”* |

*Kim Nham*, chèo cổ, Hà Văn Cầu sưu tầm, chú thích; In

trong *Chèo cổ tuyển tập*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1976

**Hãy đọc văn bản trên và thực hiện những yêu cầu sau đây:**

**Câu 1:** Đoạn trích “Xúy Vân giả dại” kể về việc:

a. Xúy Vân giả dại buộc Kim Nham phải trả nàng về nhà để đi theo Trần Phương.

b. Xúy Vân đau khổ vì bị Trần Phương lừa gạt nàng trở nên điên dại thật.

c. Xúy Vân vì không chịu nổi cảnh xa chồng nên nàng giả điên dại.

d. Xúy Vân vì thương nhớ chồng trở nên điên dại.

**Câu 2:** Trong những câu sau câu nào thể hiện tâm trạng tự thấy mình lỡ làng, dở dang của Xúy Vân?

a. Con gà rừng ức bởi xuân huyên.

b. Con gà rừng ăn lẫn với công - Đắng cay chẳng có chịu được, ức!

c. Tôi càng chờ đợi càng trưa chuyến đò.

d. Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng.

**Câu 3:** Trong những ý sau, điều nào không thể hiện được nhân vật Xúy Vân đáng thương?

a. Cuộc hôn nhân do cha mẹ sắp đặt vội vàng, không có tình yêu.

b. Gặp Trần Phương, Xúy Vân tưởng gặp người tri kỉ cô đã yêu Trần Phương.

c. Xúy Vân là cô gái đảm đang khéo léo. Có mơ ước giản dị.

d. Xúy Vân giả điên để theo Trần Phương.

**Câu 4:** Điều gì đã tạo nên mâu thuẫn trong tâm trạng của Xúy Vân?

a. Khát vọng giữa tình yêu và đạo đức

b. Khát vọng giữa tình yêu và thực tại

c. Khát vọng giữa tình yêu và cuộc sống

d. Khát vọng giữa tình yêu và hoàn cảnh

**Câu 5:** Nét đặc biệt của chèo cổ là gì?

a. Kết hợp giữa ba hình thức: dân ca, dân nhạc, dân vũ

b. Kịch bản của chèo thường lấy từ tích cũ

c. Sân khấu ở những sân đình

d. Sự kết hợp giữa ca, múa, và lời nói

**Câu 6:** Phong cách biểu diễn của chèo thường mang tính:

a. Cụ thể b. Nhân hóa c. Tượng trưng d. Ước lệ

**Câu 7:** Mâu thuẫn và bi kịch của cuộc đời Xúy Vân là do:

a. Cha mẹ ép duyên

b. Chế độ phong kiến tỏa chiết tình cảm, khát vọng con người

c. Kim Nhan yêu thương nàng

d. Kim Nhan không yêu thương nàng

**Câu 8:** Qua đoạn trích, hãy nêu một số đặc điểm của ngôn ngữ chèo mà anh/chị nhận biết được (thể thơ quen dùng; chất liệu ca dao, dân ca;…)?

**Câu 9:** Qua lớp chèo này, anh/chị hiểu thêm được những điều gì về đời sống văn hóa làng xã Việt Nam thuở xưa?

**Câu 10:** Xúy Vân giả dại để che giấu điều gì? Anh/chị đánh rút ra thông điệp gì từ vở chèo này?

**II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/ chị về quan điểm hãy sống là chính mình.

*-----Hết-----*

*- Học sinh không được sử dụng tài liệu.*

*- Giám thị không giải thích gì thêm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sở GDĐT Tiền Giang** | | | | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I** | |
| **Trường THPT ……..** | | | | **Năm học: 2022 – 2023** | |
| **---------------------** | | | | **Môn: Ngữ văn – Lớp 10** | |
|  | | | | **------------------------------------** | |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** |
| **I** | **Đọc hiểu** | | | **6.0** |
| **1** | Đáp án: a | | **0.5** |
| **2** | Đáp án: c | | **0.5** |
| **3** | Đáp án: d | | **0.5** |
| **4** | Đáp án: a | | **0.5** |
| **5** | Đáp án: a | | **0.5** |
| **6** | Đáp án: d | | **0.5** |
| **7** | Đáp án: b | | **0.5** |
| **8** | - Có sự đan xen, phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói và hát: xuyên suốt đoạn trích, lời thoại của Xúy Vân được thể hiện qua nhiều điệu như nói lệch, vỉa, hát quá giang, đế, điệu con gà rừng, hát sắp, nói, hát ngược.  - Ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa: “Bông bông dắt, bông bông díu/ Xa xa lắc, xa xa líu”  - Cách nói ví von giàu tính tự sự trữ tình: “Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng”, “chờ cho bông lúa chín vàng”, “con cá rô nằm vũng chân trâu/ để cho năm bảy cần câu châu vào”,…  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm.*  + *Trả lời được đúng 2/3 ý: 1,0 điểm*  + *Trả lời được đúng 1/3 ý: 0,5 điểm*  *+ Câu trả lời chưa làm rõ, chưa hợp lí: không cho điểm.* | | **1.0** |
| **9** | Lớp chèo có thể hiện nhiều yếu tố về đời sống văn hóa làng xã Việt Nam xưa như:  - Tin tưởng vào tín ngưỡng: “than cùng bà Nguyệt”, “ông Bụt”  - Hàng xóm láng giềng sống với nhau gần gũi, đoàn kết: Xúy Vân gọi mọi người là “chị em ơi!”, lời nói thủ thỉ tâm tình “Chị em ơi tôi than vài câu nhé, chuyện của Xúy Vân láng giềng cũng đều hay biết  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm.*  + *Trả lời được đúng mỗi ý: 0,5 điểm*  + *Câu trả lời chưa làm rõ, chưa hợp lí: không cho điểm* | | **1.0** |
| **10** | - Xúy Vân giả dại để che giấu sự thật rằng mình đã trót say đắm Trần Phương mà phụ bạc Kim Nham, đồng thời hành động giả dại của nàng còn có mục đích muốn được tự do, thoát khỏi Kim Nham để đi theo Trần Phương.  - Tìm hiểu bi kịch của Xúy Vân trong vở chèo, cảm thông cho những đau khổ, bế tắc của nàng chính là thanh minh cho Xúy Vân và thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá con người mang tính nhân đạo sâu sắc. Hoàn cảnh mất tự do của những người phụ nữ xưa như Xúy Vân càng cho ta trân trọng hơn cuộc sống, tình yêu của những người phụ nữ hôm nay.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như Đáp án: 0.5 điểm.*  + *Trả lời được đúng mỗi ý: 0,25 điểm*  + *Câu trả lời chưa làm rõ, chưa hợp lí: không cho điểm* | | **0.5** |
| **II** | **PHẦN VIẾT** | | | **4.0** |
| Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/ chị về quan điểm hãy sống là chính mình. | | | |
| **a** | *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | | **0.5** |
| **b** | *Xác định đúng yêu cầu của đề:* **Giới thiệu và nêu được tầm quan trọng của vấn đề nghị luận: hãy sống là chính mình.**  ***Hướng dẫn chấm:***  ***- HS giới thiệu được vấn đề: 0,25 điểm.***  ***- HS nêu được tầm quan trọng của vấn đề: 0,25 điểm*** | | **0.5** |
| **c** | *Triển khai vấn đề*  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để hoàn chỉnh văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | | **2.0** |
| - Giải thích: Sống là chính mình nghĩa là sống với những gì tự nhiên vốn có trong con người bạn, không cần phải gò bó hay ép buộc mình phải sống giống bất kì ai.  - Phân tích ý nghĩa, tầm quan trọng của việc hãy sống là chính mình: giúp con người:  + Làm chủ cuộc đời mình;  + Có nhận thức đúng đắn về bản thân;  + Thoải mái, tự do trong suy nghĩ và hành động;  + Lạc quan, tự tin, đủ sức mạnh để vượt qua cám dỗ và khó khăn trong cuộc sống…  - Bàn luận, mở rộng vấn đề:  + Phê phán những người tự ti, không dám khẳng định bản thân.  + Sống là chính mình không có nghĩa là bảo thủ, đề cao cái tôi cá nhân, ích kỉ, bất chấp pháp luật và thuần phong mĩ tục.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Học sinh trình bày đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm.*  *+ Học sinh trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm - 1,25 điểm.*  *+ Học sinh chưa làm rõ vấn đề: 0,75 điểm - 1,0 điểm.*  *+ Học sinh trình bày sơ lược, không đúng vấn đề: 0,25 điểm - 0,5 điểm.* | | **1.5** |
| *-* Khẳng định ý nghĩa của vấn đề.  - Nêu bài học nhận thức và hành động cho bản thân và mọi người.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+**Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *+ Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | | **0.5** |
| **d** | *Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp* | | **0.5** |
| **e** | *Sáng tạo*  Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận hấp dẫn, thuyết phục, giàu cảm xúc.  ***Hướng dẫn chấm:***  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | | **0.5** |
| ***Tổng điểm*** | | | | **10.00** |